

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 29-5-2023

*“v/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chất

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thảo và ông Nguyễn Văn Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 100/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Bá M, sinh năm 1990; Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Hàn Quốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1973; Địa chỉ: KDC G, phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Bùi Bá M kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/6/2016. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường hay xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2017, anh M đi du học tại Hàn Quốc. Từ khi đi, vợ chồng chị ít liên lạc với nhau, sau này do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn nên anh chị không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Bá M.

Về con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/10/2015, hiện đang ở cùng bà nội là Trần Thị M1. Sau khi ly hôn, chị đề nghị giao cháu Tuấn A cho anh M và bà nội nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị cấp dưỡng tiền nuôi con, chị nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị T không cung cấp được địa chỉ của anh M ở Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành xác M tại gia đình anh M. Bà Trần Thị M1 (là mẹ đẻ anh M) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh M vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh M biết. Quan điểm của anh M là do vợ chồng không còn tình cảm, chị T đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2017, nay chị T xin ly hôn thì anh M đồng ý. Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Bùi Tuấn A đến khi con chung đủ 18 tuổi. Do hiện nay anh đang ở nước ngoài nên đề nghị Tòa án tạm giao cháu Tuấn A cho bà M1 nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam. Anh tự nguyện không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng anh. Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bà Trần Thị M1 có quan điểm: Trong thời gian anh M không ở Việt Nam, bà đồng ý nhận ủy quyền của anh M về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn A, đồng thời bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Bùi Bá M. Về con chung: Giao con chung là Bùi Tuấn A, sinh

ngày 19/10/2015 cho anh M nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu Tuấn A cho bà Trần Thị M1 (là mẹ đẻ anh M) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh M về Việt Nam. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Bùi Bá M hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc, nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh M ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu nhưng gia đình anh M đều trình bày không biết địa chỉ cụ thể của anh M ở Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị M1 là mẹ đẻ của anh M để bà M1 thông tin lại cho anh M biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị T và anh M. Đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh M đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Bùi Bá M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là phường T), thành phố C, tỉnh Hải Dương vào ngày 23/6/2016 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh M chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Cuối năm 2017, anh M đi Hàn Quốc. Sau đó chị T chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Nay chị T và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T có đơn xin ly hôn, anh M đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã trầm trọng, vợ chồng đã sống ly

thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho chị T được ly hôn anh M là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị T và anh Bùi Bá M có 01 con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/10/2015, hiện đang ở cùng bà nội là Trần Thị M1. Khi ly hôn, chị T và anh M đều có quan điểm giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng tiền nuôi con. Do anh M đang ở nước ngoài nên ủy quyền cho bà Trần Thị M1 thay anh chăm sóc cháu Tuấn A cho đến khi anh về Việt Nam. Bà M1 đồng ý nhận ủy quyền của anh M. Xét thấy, thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của chị T và anh M. Tạm giao cháu Bùi Tuấn A cho bà Trần Thị M1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T về các vấn đề sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị T ly hôn anh Bùi Bá M.

1.2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Bùi Bá M được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Tuấn A, sinh ngày 19/10/2015 kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Tạm giao cháu Tuấn A cho bà Trần Thị M1 chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh M không có mặt tại Việt Nam. Chấp nhận sự tự nguyện của anh M không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003988 ngày

13 tháng 3 năm 2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Anh Bùi Bá M vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương;
- UBND phường T, thành phố C, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chất